

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 2816/SCT-VP ngày 27 tháng 11 năm 2025, Công văn số 3422/SCT-VP ngày 24 tháng 12 năm 2025; Sở Xây dựng tại Công văn số 3348/SXD-VP ngày 26 tháng 11 năm 2025; Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 1597/TTr-SDTTG ngày 28 tháng 11 năm 2025; Sở Tài chính tại Công văn số 4537/STC-VP ngày 28 tháng 11 năm 2025; Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 3267/SKHCN-VP ngày 02 tháng 12 năm 2025; Sở Y tế tại Công văn số 3020/SYT-TCHC ngày 02 tháng 12 năm 2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7225/TTr-SNNMT ngày 01 tháng 12 năm 2025; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2534/TTr-SVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2025; Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi tại Công văn số 2316/BQL-VP ngày 25 tháng 12 năm 2025; Sở Xây dựng tại Công văn số 4129/SXD-VP ngày 26 tháng 12 năm 2025; Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 604/TTr-SGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp

nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

1. Tại cấp tỉnh: 276 thủ tục hành chính.
2. Tại cấp xã: 61 thủ tục hành chính.
3. Tại cấp tỉnh, cấp xã: 11 thủ tục hành chính.

(có Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

Điều 2. Cách thức thực hiện

Danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, các sở, ban, ngành rà soát, tham mưu và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Thời gian hoàn thành **trước ngày 16 tháng 01 năm 2026**.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương

a) Thực hiện nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đáp ứng yêu cầu, tiêu chí kỹ thuật, các điều kiện có liên quan và cập nhật, phân quyền tài khoản sử dụng để triển khai thực hiện tiếp nhận, chuyển hồ sơ, số hóa, xử lý hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính được thuận lợi theo quy định.

b) Xây dựng, thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Hệ thống khác có liên quan. Thời gian hoàn thành **trước ngày 30 tháng 01 năm 2026**.

3. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Thực hiện niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, chuyển hồ sơ, số hóa, xử lý hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định tại Điều 20 Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. Quán triệt, chỉ đạo, cử cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, đăng ký tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

c) Tổ chức việc tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức biết, thực hiện việc nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

d) Các sở, ban, ngành chủ động xây dựng, cung cấp bộ hồ sơ điển mẫu, video hướng dẫn mẫu, ban hành văn bản, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tập huấn, hướng dẫn cách thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện hoạt động liên quan đến tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

5. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh*) căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, địa phương thực hiện hiệu quả việc tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; thường xuyên rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề xuất, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. / *han*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Quảng Ngãi;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VNPT Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng, CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC. *LHP. thanh*

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Giang

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
I	SỞ CÔNG THƯƠNG (24 TTHC)		
	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện		
1	2.001384.H48	2.001384.H48	Cấp tỉnh
	Lĩnh vực hóa chất		
2	1.012433.H48	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Cấp tỉnh
	Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ		
3	1.012567.H48	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Cấp tỉnh
	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng		
4	1.001335.H48	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	Cấp tỉnh
5	1.013780.H48	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	Cấp tỉnh
	Lĩnh vực xuất nhập khẩu		
6	1.000421.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Cấp tỉnh
7	2.001264.H48	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	Cấp tỉnh

12	2.002481.000.00.00.H48	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Cấp Xã
13	2.002482.000.00.00.H48	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Cấp Xã
14	3.000182.000.00.00.H48	Tuyển sinh trung học cơ sở	Cấp Xã
15	1.001622.000.00.00.H48	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Cấp Xã
16	1.003702.000.00.00.H48	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Cấp Xã
